UBND TỈNH AN GIANG **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09 /QĐ-SNNMT	*An Giang, ngày 09 tháng 01 năm2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đường dẫn ra Cảng tổng hợp thành phố Hà Tiên

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đường dẫn ra Cảng tổng hợp thành phố Hà Tiên tại Công văn số 1592/SNNMT-CCBVMT ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Hà Tiên tại Văn bản số 95/BQL-KTh ngày 19 tháng 11 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 125/TTr-CCBVMT ngày 25 tháng 12 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đường dẫn ra Cảng tổng hợp thành phố Hà Tiên (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Hà Tiên (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Hà Tiên, tỉnh An Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ dự án;
- Bộ NN&MT;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Giám đốc;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Văn phòng Sở (công khai thông tin);
- UBND phường Hà Tiên;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Lê Hữu Toàn

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐƯỜNG DẪN RA CẢNG TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HÀ TIÊN

(Kèm theo Quyết định số ……/QĐ-SNNMT ngày ..... tháng .... năm ……
của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

1.1. *Thông tin chung*

- Tên dự án: Đường dẫn ra Cảng tổng hợp thành phố Hà Tiên.

- Chủ dự án: Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Hà Tiên.

- Địa điểm thực hiện: phường Hà Tiên, tỉnh An Giang.

- Địa chỉ liên hệ: Số 48, đường Mạc Công Du, phường Hà Tiên, tỉnh An Giang.

1.2. *Quy mô, công suất:*

- Quy mô của dự án: Tổng chiều dài tuyến đường 4,89km, với quy mô cấp đường là đường cấp III đồng bằng, theo quy hoạch có 04 làn xe cơ giới, được chia thành 3 đoạn như sau:

+ Đoạn D2-DM1 (đường lấn biển, đoạn 1): dài 1800m là đường lấn biển, đắp ra ngoài phía biển với quy mô đủ 4 làn xe cơ giới, tổng bề rộng mặt đường rộng 15m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m.

+ Đoạn M1-M2 (cầu phía biển): dài 240m sử dụng kết cấu cầu DUL, dầm superT, bề rộng mặt cầu là B cầu =26m.

+ Đoạn M2-D3 (đường lấn biển, đoạn 2): dài 2.850m là đường lấn biển, đắp ra phía biển bề rộng mặt đường 15m, vỉa hè mỗi bên 5m.

- Tải trọng trục của tuyến đường: 12 tấn.

1.3. Công nghệ sản xuất: không.

1.4. Phạm vi:

1.4.1. Các hạng mục công trình:

- Phần tuyến đường:

+ Điểm đầu tuyến: Hướng tuyến phải kết nối trực tiếp với đất liền, sẽ kết nối với đường Núi Đèn tạo thành nút giao thông với đường hiện trạng.

+ Điểm cuối tuyến: Điểm cuối tuyến phải đảm bảo dẫn ra đến vị trí cảng tổng hợp thành phố Hà Tiên (theo quy hoạch), để đảm bảo công năng của tuyến là kết nối từ đất liền ra cảng tổng hợp.

+ Hướng tuyến đi trên biển song song và đảm bảo cách xa hàng lang bảo vệ đường điện đối với đường điện hiện trạng là tuyến 22kV – tuyến Mũi Nai – Hòn Đốc 150m.

- Phần cầu:

+ Cầu thiết kế vĩnh cửu. : Bằng BTCT và BTCTDUL. Tải trọng thử

PDA: Trụ T3: 1713T, Trụ M2: 1346T.

+ Tần suất lũ thiết kế cầu : P1%.

+ Tiêu chuẩn thiết kế cầu : TCVN11823-2017.

- Vỉa hè, bó vỉa, dải phân cách: Vỉa hè đường được lát bằng đá xẻ dày 5cm với độ dốc 1,5% dốc về phía mặt đường, bố trí hệ thống bó vỉa và đan rãnh dốc ngang 10% để dẫn thu nước về các vị trí rãnh thoát nước mặt.

- Hệ thống chiếu sáng: Bố trí 02 hàng trụ đèn chiếu sáng đối xứng hai bên trên vỉa hè, khoảng cách trung bình giữa các trụ đèn là 40m. Tại nút giao với đường Núi Đèn bố trí tại tâm nút giao 01 trụ đòn nâng hạ cao 25m.

- Hệ thống an toàn giao thông: Lắp biển báo hiệu tại các vị trí đầu cầu, nút giao, đường giao,... Biển báo được làm bằng thép và được dán màng phản quang

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Chuẩn bị mặt bằng: Bố trí lán trại công nhân, hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trình.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, tập kết máy móc, thiết bị phục vụ quá trình thi công xây dựng.

- Hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ nạo vét.

- Dọn dẹp mặt bằng thi công sau khi kết thúc thi công.

- Nghiệm thu công trình và bàn giao lại cho đơn vị quản lý, sử dụng.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của dự án này không bao gồm các hoạt động: Đền bù, giải phòng mặt bằng; Khai thác nguyên vật liệu phục vụ công trình.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

2.1. Giai đoạn thi công

- Rà phá bom mìn

- Chuẩn bị mặt bằng:

+ Chuẩn bị bãi thải đổ.

+ Hút bỏ lớp bùn bề mặt chuyển về bãi thải đổ.

- Thi công xây dựng:

+ Vận chuyển vật liệu xây dựng.

+ Tập kết, xúc bốc vật liệu xây dựng.

+ Thi công xây dựng: kè bao taluy, nền đường, mặt đường, vỉa hè, kết cấu móng cầu, mặt cầu, hệ thống tuyết thoát nước, tuyến điện chiếu sáng, hệ thống biển báo an toàn giao thông, ...

+ Sinh hoạt nhân công trong quá trình làm việc.

+ Hoạt động ra vào công trường của công nhân.

2.2. Giai đoạn vận hành

+ Hoạt động giao thông trên tuyến đường.

+ Hoạt động quản lý, bảo trì, bảo dưỡng.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- *Nước mưa chảy tràn:* Nguồn thải này chỉ xuất hiện khi thời tiết khu vực có mưa, tải lượng phụ thuộc vào lượng mưa của khu vực, do đó thay đổi theo mùa, theo ngày và diện tích khu vực thực hiện dự án. Thành phần chính là chất rắn lơ lửng do dòng chảy cuốn theo đất, cát trên bề mặt dự án gây ô nhiễm.

- *Nước thải sinh hoạt:* phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trình, lưu lượng ước tính khoảng 7,2 m^3/ngày. Thành phần chính của nước thải bao gồm: pH, BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, tổng Nitơ, tổng Photpho, coliforms,...

- *Nước thải xây dựng:* chủ yếu phát sinh do hoạt động rửa cối trộn xi măng, bê tông; xịt rửa bánh xe và rửa dụng cụ xây dựng, lưu lượng ước tính khoảng 5,5 m^3/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng cao.

- *Nước thải từ hoạt động bơm cát lấp nền:* Việc bơm thổi cát từ sà lan lên khu vực dự án làm phát sinh lượng lớn nước thải với lưu lượng khoảng 170,6 m^3/ngày. Tính chất của nước thải san lấp chủ yếu là hàm lượng chất rắn lơ lửng (TSS) cao,…

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

Không có hoạt động phát sinh nước thải.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu: thành phần khí thải từ quá trình đốt cháy nhiên liệu dầu DO: Bụi, SO_2, NO_X, CO, TSP, VOC,...

- Bụi và khí phát sinh do hoạt động vận hành máy móc thiết bị tham gia thi công: thành phần chủ yếu là bụi (TSP) và các loại khí thải như: SO_2, NO_2, CO, VOC,… quy mô phát sinh tính trong phạm vi dự án.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động hàn, cắt kim loại, thành phần chủ yếu là các

các SiO_2, CO, CO_2, NOx…tồn tại ở dạng bụi khói.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

Không có hoạt động phát sinh khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, khối lượng khoảng 13,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, bọc nilon, vỏ đồ hộp, vỏ lon,…

- *Chất thải rắn thông thường:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ sinh hoạt của công nhân làm việc trực tiếp tại dự án, khối lượng khoảng 88kg/ngày.

+ Chất thải từ hoạt động nạo vét các tuyến kênh: khối lượng ước tính khoảng 5.317,5 tấn m^3. Thành phần chủ yếu là bùn, đất.

- *Chất thải rắn xây dựng:* phát sinh từ hoạt động thi công hệ thống giao thông và hệ thống điện: khối lượng ước tính khoảng 42.368,9 – 71.552,2 tấn. Thành phần chủ yếu là đất đá, vụn bê tông thừa, nhựa đường, xi măng,...

- *Chất thải nguy hại:* khối lượng khoảng 10,045 tấn trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần gồm các loại: Dầu mỡ thải, nhớt thải, giẻ lau dính dầu, mỡ, vật liệu thừa dính nhựa, nhựa thừa, vải lau, thùng chứa, thùng sơn, thùng chứa dung môi, vải lau dính sơn, ắc quy hỏng, bóng đèn hỏng,...

3.2.2. Giai đoạn vận hành:

Không có hoạt động phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tiếng ồn: phát sinh chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thi công hạng nặng như máy ủi, máy xúc, xe lu….

- Độ rung: phát sinh chủ yếu là từ các xe chở vật liệu và hoạt động máy móc, thiết bị thi công và phục vụ thi công như: xe lu, máy đào,...

3.3.2. Giai đoạn vận hành:

Tiếng ồn: phát sinh từ các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công:

- Tác động đến chất lượng nước biển ven bờ, tác động đến hệ sinh thái thủy sinh.

- Tác động sạt lở (xói lở), bồi lắng và thay đổi dòng chảy ven bờ trong quá trình thi công.

- Sự cố rò rỉ dầu mỡ thải từ việc bảo dưỡng phương tiện, thiết bị thi công và

tràn dầu, dầu loang khu vực biển.

- Tai nạn lao động; Tai nạn giao thông và ảnh hưởng giao thông hàng hải của khu vực; Sự cố tại bãi chứa vật liệu nạo vét.

3.4.2. Giai đoạn vận hành:

Tác động đến giao thông thủy.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1.1 Giai đoạn thi công xây dựng:

- *Nước mưa chảy tràn:* Do tính chất của dự án chủ yếu là thi công nạo vét các tuyến kênh và nâng cấp các tuyến đê nên nước mưa trong giai đoạn xây dựng một phần sẽ tự thấm trực tiếp xuống nền đất; phần còn lại sẽ chảy tràn và thoát trực tiếp xuống biển khu vực dự án.

- *Nước thải sinh hoạt:* Bố trí 06 nhà vệ sinh di động vật liệu composite, thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom xử lý theo quy định, không để nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý thoát ra môi trường bên ngoài, vị trí lắp đặt tại khu vực lán trại, sau khi kết thúc giai đoạn thi công nhà vệ sinh được tháo dỡ hoàn trả lại mặt bằng để phục vụ dự án.

- *Nước thải xây dựng:* Xây dựng 01 bể lắng cấu tạo 03 ngăn với tổng dung tích khoảng 4,8 m^3/bể, kích thước L x B x H = khoảng (2 x 2 x 1,2) m để thu gom, lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa dụng cụ, thiết bị. Nước thải sau lắng được tái sử dụng cho mục đích phun nước giảm bụi tại công trường góp phần tiết kiệm nguồn nước và hạn chế xả thải ra môi trường.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành: không có hoạt động phát sinh nước thải.

4.1.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom và xử lý nước thải phát sinh đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, xây dựng; Đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật khác có liên quan, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến người dân và các khu vực lân cận.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

4.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị: Che chắn phủ kín phương tiện chở vật liệu trong quá trình di chuyển; Bố trí lịch vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị hợp lý, tránh tập trung nhiều không cần thiết.

- Bụi, khí thải từ các phương tiện thi công: Lập kế hoạch thi công xây dựng và nhân lực hợp lý; Bảo dưỡng định kỳ máy móc, phương tiện thi công; Trang bị đầy

đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân.

- Mùi và khí thải từ hoạt động hàn cơ khí: Bố trí khu vực hàn ở nơi cao ráo, có ít người qua lại và dưới hướng gió; Trang bị mặt nạ chuyên dụng, khẩu trang, găng tay bảo hộ theo đúng quy định cho công nhân.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành: không

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí 04 thùng rác nhựa có nắp đậy thể tích 220L, 3 ngăn để phân loại rác, để thu gom chất thải của công nhân. Vị trí gồm: 01 bộ khu vực lán trại nơi tập trung hoạt động sinh hoạt của công nhân và 03 bộ tại gần nơi đang thi công xây dựng hạng mục cho công nhân thuận tiện bỏ rác. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ 01 lần/ngày.

- *Bùn thải từ nạo vét phần đất yếu:* được lưu chứa tại Bãi thải đổ vật liệu nạo vét Bãi đổ số 03 (Bãi Nò 1).

- *Chất thải rắn xây dựng:* Bố trí 01 bãi tập kết tạm thời để thu gom, phân loại chất thải rắn xây dựng trong quá trình thi công. Đất, cát, xà bần,.. được tận dụng san lấp nền tại khu vực dự án; Các loại cốp pha bằng gỗ được thu gom và bán để làm nhiên liệu đốt; Các loại sắt, thép vụn, bao xi măng, thùng nhựa,… sẽ được thu gom lại và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- *Chất thải nguy hại:* Trang bị thùng chứa chất liệu bằng nhựa, có nắp đậy kín, có dán nhãn và biểu tượng dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định của pháp luật. Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa tạm thời tại khu vực kho chứa riêng đặt tại nhà kho vật liệu, cách xa nơi thường tập trung nhiều công nhân. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý. Tần suất 06 tháng/lần.

4.2.2. Giai đoạn vận hành: không.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại (Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải được thiết kế đúng quy cách) phát sinh tại Dự án đều được thu gom, phân định, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo đúng quy định Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế bố trí các phương tiện, máy móc và thiết bị thi công gần nhau hoặc hoạt động cùng một lúc.

- Máy móc, thiết bị thi công không sử dụng liên tục thì phải tắt ngay khi không sử dụng.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các máy móc thiết bị máy móc.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Hạn chế hoạt động đồng thời nhiều loại máy gây rung chấn lớn cùng lúc.

4.3.2. Giai đoạn vận hành: Không.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học: Xác định chính xác vùng nạo vét và chỉ thực hiện nạo vét trong vùng dự án; hạn chế tối đa nạo vét ra các vùng xung quanh nhằm giảm thiểu mất mát hệ sinh thái thuỷ sinh; Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, phù hợp để rút ngắn thời gian nạo vét có thể làm giảm tác động tới môi trường.

- Giảm thiểu sự cố rò rỉ dầu mỡ thải từ việc bảo dưỡng phương tiện, thiết bị thi công và tràn dầu, dầu loang khu vực biển: Hạn chế sửa chữa máy móc, thiết bị trong khu vực dự án; bố trí khu vực riêng biệt có thể thu gom dầu mỡ thải không để dầu mỡ rò rỉ ra bên ngoài môi trường; Máy móc thiết bị được kiểm tra hàng ngày, đăng kiểm định kỳ.

- Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông: Trang bị đèn tín hiệu theo quy định an toàn tại khu vực thi công để các phương tiện giao thông của người dân nhận biết. Người điều khiển phương tiện đảm bảo có bằng lái theo quy định hiện hành.

- Biện pháp phòng ngừa giảm thiểu tác động đối với sự cố cháy nổ: Cấm công nhân thi công hút thuốc hoặc sử dụng các thiết bị phát lửa trong khu vực dễ gây cháy nổ. Trang bị bình CO2 cầm tay loại 5 kg ở khu vực công trường để phòng ngừa khi có cháy nổ xảy ra. Lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ (khu vực trữ xăng dầu, kho vật tư xây dựng dễ cháy nổ).

- Biện pháp phòng ngừa giảm thiểu tác động đối với sự cố tai nạn lao động: Thiết lập các quy định về an toàn lao động trong quá trình xây dựng; Người làm việc tại công trình được trang bị đầy đủ với các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết.

4.4.2. Giai đoạn vận hành: Không.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng:

❖ Giám sát môi trường nước biển ven bờ:

- *Thông số giám sát:* pH, DO, TSS, Amoni, Phosphat, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Hg, Pd, *Colifroms*.

- *Vị trí giám sát:*

+ 01 mẫu tại biển khu vực xây dựng về phía Bắc (cách tuyến đường khoảng 100m) (NB1)

+ 01 mẫu tại biển khu vực xây dựng về phía Nam (cách tuyến đường khoảng 100m) (NB2).

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 10:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

❖ Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải tại khu vực thi công;

- Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt quá trình thi công.

- Thông số giám sát: Khối lượng và chủng loại của từng loại chất thải rắn;

- Nội dung giám sát: Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Tần suất chuyển giao:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: 01 lần/ngày.

+ Chất thải nguy hại: 01 lần/6 tháng.

- Trách nhiệm thực hiện: Chủ dự án.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành: Không.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường như sau:

6.1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 1 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.2. Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án. Trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thể thì áp dụng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn mới.

6.3. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án.

6.4. Thực hiện công tác rà phá bom mìn trước khi triển khai xây dựng Dự án; bố trí kho chứa nguyên vật liệu ở những nơi phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án; thực hiện việc thu dọn, hoàn trả mặt bằng, cải tạo phục hồi môi trường tại các khu đất sử dụng tạm thời.

6.5. Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực xung quanh; thường xuyên bố trí nhân viên

giám sát an toàn và sự cố môi trường trên công trường để có các giải pháp phù hợp, kịp thời khắc phục khi sự cố xảy ra; tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên trong quá trình thi công xây dựng dự án.

6.6. Lập và thực hiện kế hoạch, phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, cháy nổ, sự cố môi trường (sạt trượt, sụt lún) nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án; đền bù những thiệt hại về an toàn và môi trường do Dự án gây ra theo các quy định pháp luật hiện hành.

6.7. Phối hợp với chính quyền địa phương nơi triển khai dự án chỉ đạo các đơn vị chức năng liên quan và các nhà thầu thi công bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường, hạn chế các tác động môi trường phát sinh, đảm bảo cho Dự án đi vào hoạt động một cách có hiệu quả.

6.8. Phổ biến thông tin, tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của cán bộ, công nhân viên và cộng đồng về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án. Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đa dạng sinh học.

6.9. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.10. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để: thông báo kế hoạch thi công; bảo đảm an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng chống mưa bão, lũ lụt, cháy nổ, các rủi ro và sự cố môi trường.

6.11. Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định trên địa bàn tỉnh An Giang và các văn bản pháp luật có liên quan; chỉ được phép đổ thải chất thải xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận, phù hợp với quy hoạch được duyệt và các quy định có liên quan; thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải và các yêu cầu khác của địa phương theo quy định (nếu có).

6.12. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường trong quá trình thi công tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

6.13. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của tất cả các thông tin, số liệu, nguồn trích dẫn số liệu, kết quả đo đạc, lấy và phân tích mẫu, các bản vẽ và các tài liệu liên quan trong toàn bộ hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.